

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HS-ST
Ngày 20/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thanh Huệ và ông Nguyễn Bá Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2024/TLST - HS ngày 25 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST - HS ngày 27/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/HSST- QĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Xuân B, sinh ngày 09/8/2005, tại tỉnh B Giang; nơi cư trú: Tổ P6, thị trấn P, huyện L, tỉnh B Giang; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2024 đến nay, hiện nay đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Thế V; sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Phước P; địa chỉ: 2/168, Ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

Tạm trú: Số 37, đường D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang - Vắng mặt.

3. Anh Đỗ Văn V1; địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định - Vắng mặt

4. Anh Phan Bá Đ; địa chỉ: Tổ 7C, Ấp B, xã C2, huyện B, tỉnh Bình Dương - Vắng mặt.

5. Anh Phạm Thăng B; địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai - Vắng mặt.
6. Anh Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh B Giang - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
7. Anh Nguyễn Kiên Q; địa chỉ: số 70, đường H, tổ dân phố Q, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc - Vắng mặt.
8. Anh Nguyễn Đức K; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
9. Anh Ma Hồng T; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Anh Lê Hải Q; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình - Vắng mặt.
11. Chị Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
12. Anh Phạm Văn B1; địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định - Vắng mặt.
13. Anh Dương Đức N; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên - Vắng mặt.
14. Anh Đỗ Văn D; địa chỉ: T1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
15. Anh Đinh Mạnh H2; địa chỉ: Xóm 5, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.
16. Anh Vũ Văn T1; địa chỉ: Thôn 10, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội - Vắng mặt
17. Anh Văn Huy T2; địa chỉ: Tổ 10, khu 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt
18. Anh Nguyễn Quang H3; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
19. Anh Dương Đình T3; địa chỉ: Xóm 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
20. Anh Trần Văn H4; địa chỉ: Khu dân cư V, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt
21. Anh Phạm Tiến H5; địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.
22. Anh Vòng Nhộc L; địa chỉ: 117/8 Khu phố N2, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương - Vắng mặt.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn M - Vắng mặt.
Địa chỉ: T6, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2022, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Trương Xuân B nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua hình thức thu thập, sưu tầm nhiều hình ảnh các loại cây cảnh có giá trị như cây Sanh, Tùng, Lêkima... và mua tài khoản ngân hàng A số 83881xx mang tên Nguyễn Văn M, mua tài khoản mạng xã hội Facebook rồi đổi tên thành Nguyễn Văn M. Sau đó, B sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Văn M” đăng tải nhiều bài viết công khai trên trang cá nhân và các hội, nhóm mua bán cây cảnh, nhộng ong với giá thấp hơn thị trường để thu hút người mua liên hệ qua tin nhắn messenger hoặc tin nhắn zalo. Khi có người liên hệ mua cây cảnh, nhộng ong, B đưa thông tin giá bán thấp hơn giá thị trường, cam kết sẽ chuyển cây cảnh, nhộng ong đến địa chỉ người mua và yêu cầu người mua chuyển tiền cọc vào tài khoản Ngân hàng A số 838819xx mang tên Nguyễn Văn M. Sau khi nhận tiền, B chuyển số tiền này đến tài khoản ngân hàng Vietinbank số 108877241928/0908200xxx của B rồi chiếm đoạt, sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân, đồng thời chặn liên lạc với người mua và không thực hiện việc giao cây cảnh. Ngày 12/01/2024, anh Nguyễn Đức K, trú tại tổ 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông làm đơn tố bị cáo Trương Xuân B chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng anh K đã đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản và không giao cây cảnh đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.

Quá trình điều tra, căn cứ lời khai và kết quả sao kê tại tài khoản ngân hàng xác định số tiền Trương Xuân B có hành vi gian dối yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng A số 838819xx mang tên Nguyễn Văn M với nội dung “đặt cọc mua cây, nhộng ong” là 73 trường hợp với tổng số tiền là 114.460.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã truy tìm bị hại trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định trên phạm vi toàn quốc; đối với những trường hợp Ngân hàng cung cấp được thông tin họ và tên, địa chỉ của Chủ tài khoản thì đã thực hiện việc uỷ thác điều tra theo quy định. Tuy nhiên, kết quả uỷ thác Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ chỉ xác định được 22 bị hại có đơn tố giác yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự, dân sự đối với bị cáo Trương Xuân B với tổng số tiền là 72.160.000 đồng.

Đối với các bị hại còn lại với tổng số tiền 42.300.000 đồng, không tố giác đến cơ quan có thẩm quyền nơi cư trú, không rõ địa chỉ, phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu liên quan, đã hết thời hạn điều tra nên không có căn cứ xem xét, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Văn M, quá trình điều tra xác định tài khoản ngân hàng A số 838819xx là của M nhưng M đã bán tài khoản với số tiền 200.000 đồng, M không biết việc B sử dụng tài khoản ngân hàng để thực hiện hành vi phạm tội nên không đặt vấn đề giải quyết.

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định từ đầu năm 2023 đến tháng 01 năm 2024, B liên tục thực hiện việc đăng tải thông tin không đúng sự thật về việc bán cây cảnh, nhộng ong để người khác tin tưởng mua nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của những người mua cây cảnh, nhộng ong..., tổng số tiền mà B chiếm đoạt là 72.160.000 đồng của 22 bị hại, cụ thể:

1. Anh Nguyễn Thế V bị chiếm đoạt số tiền 22.000.000 đồng vào ngày 31/12/2023.
2. Anh Nguyễn Phước P bị chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 15/01/2024.
3. Anh Đỗ Văn V1 bị chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng vào ngày 31/8/2023.
4. Anh Phan Bá Đ bị chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng vào ngày 15/5/2023.
5. Anh Phạm Thăng B bị chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng ngày 30/4/2023.
6. Anh Nguyễn Văn H bị chiếm đoạt số tiền 4.800.000 đồng ngày 06/01/2024.
7. Anh Nguyễn Kiên Quyết bị chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng ngày 23/7/2023.
8. Anh Nguyễn Đức K bị chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng ngày 12/01/2024.
9. Anh Ma Hồng T bị chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng ngày 22/9/2023.
10. Anh Lê Hải Q bị chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng ngày 25/4/2023.
11. Chị Nguyễn Thị H1 bị chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng ngày 18/7/2023.
12. Anh Phạm Văn B1 bị chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng ngày 19/9/2023.
13. Anh Dương Đức N bị chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng ngày 14/01/2024.
14. Anh Đỗ Văn D bị chiếm đoạt số tiền 800.000 đồng ngày 28/8/2023.
15. Anh Đinh Mạnh H2 bị chiếm đoạt số tiền 660.000 đồng ngày 02/8/2023.
16. Anh Vũ Văn T1 bị chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng ngày 28/12/2023.
17. Anh Văn Huy T2 bị chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng ngày 29/7/2023.
18. Anh Nguyễn Quang H3 bị chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng ngày 04/5/2023.
19. Anh Dương Đình T3 bị chiếm đoạt số tiền 300.000 đồng ngày 18/7/2023.
20. Anh Trần Văn H4 bị chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng ngày 24/8/2023.
21. Anh Phạm Tiến H5 bị chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng ngày 02/8/2023.
22. Anh Vòng Nhộc L bị chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng ngày 25/8/2023.

Tại bản Cáo trạng số 54/CTr-VKS ngày 25/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Trương Xuân B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Xuân B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Trương Xuân B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS;

Xử phạt bị cáo Trương Xuân B từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/01/2024.

Đối với các bị hại còn lại với tổng số tiền 42.300.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã truy tìm bị hại trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định trên phạm vi toàn quốc nhưng các bị hại này không trình báo

cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến số tiền bị chiếm đoạt đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ cũng như cơ quan Công an nơi họ cư trú để phối hợp giải quyết nên không có căn cứ xem xét, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại còn lại trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Văn M, quá trình điều tra xác định tài khoản ngân hàng A số 838819xx là của M nhưng M đã bán tài khoản với số tiền 200.000 đồng, M không biết việc B sử dụng tài khoản ngân hàng để thực hiện hành vi phạm tội nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về phần bồi thường thiệt hại dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 BLDS đề nghị:

Chấp nhận bị cáo Trương Xuân B đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho các bị hại là Nguyễn Đức K, Nguyễn Văn H, Đỗ Văn V1, Phạm Thăng B, Nguyễn Thế V và Nguyễn Kiên Q với tổng số tiền là 43.800.000 đồng.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại Ma Hồng T, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn D, Vũ Văn T1, Phạm Văn B1, Dương Đình T3, Phan Bá Đ bồi thường tổng số tiền 13.100.000 đồng tương ứng số tiền B chiếm đoạt của từng bị hại.

Đối với các bị hại còn lại không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường thiệt hại số tiền đã chiếm đoạt, đề nghị HĐXX truy thu số tiền thu lợi này để sung Ngân sách nhà nước tổng số tiền là: 15.260.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, số máy MLLE3VN/A, số IMEI 3504725935763xx; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, số máy NQAX2J/A, số IMEI: 3567380811823xx.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 sim điện thoại mã sim 8984020xx-112854645xx; 01 sim điện thoại mã sim 89840509xx- 16170599xx do không còn giá trị sử dụng.

- Tạm giữ số tiền 2.000.154 đồng trong tài khoản ngân hàng A số 838819xx và số tiền 26.071.046 đồng trong tài khoản ngân hàng Viettin Bank số 108877241928/09082005xx để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đối với các bị hại là Nguyễn Đức K, Nguyễn Văn H, Đỗ Văn V1, Phạm Thăng B, Nguyễn Thế V và Nguyễn Kiên Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với các bị hại Ma Hồng T, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn D, Vũ Văn T1, Phạm Văn B1, Dương Đình T3, Phan Bá Đ yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, về hình phạt xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị hại còn lại gồm: Nguyễn Phước P, Văn Huy T2, Phạm Tiến H5, Nguyễn Quang H3, Dương Đức N, Trần Văn H4, Lê Hải Q, Vòng Nhộc L và

Định Mệnh H2 là không yêu cầu bồi thường, về trách nhiệm hình sự giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, một số bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, số còn lại vắng mặt lần 2 không có lý do. Nhưng sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự (viết tắt: BLTTHS) vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án: Từ khoảng đầu tháng 3/2023 đến tháng 01 năm 2024, mặc dù không có cây cảnh và nhộng ong để bán nhưng Trương Xuân B vẫn đăng tải thông tin không đúng sự thật trên tài khoản Facebook “Nguyễn Văn M” do B lập có nội dung gian dối bán các loại cây cảnh, nhộng ong nhằm chiếm đoạt tài sản. Sau đó, khi người bị hại liên hệ mua cây, nhộng ong và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng A số tài khoản 838819xx thì B chặn số, không liên lạc nhằm chiếm đoạt của 22 bị hại với tổng số tiền 72.160.000 đồng.

Như vậy, hành vi của Trương Xuân B là đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ Luật hình sự.

Tại Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

c. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó xâm phạm tài sản của người khác. Bị cáo Trương Xuân B là người có đủ nhận thức để nhận biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vì ý thức lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng giao

tài sản, bằng hình thức chuyển khoản nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 72.160.000 đồng của các bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ tính chất mức độ phạm tội cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khai ra các hành vi vi phạm khác, đã tác động gia đình bồi thường được một phần cho các bị hại, một số bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, từ trước đến nay bị cáo có nhân thân tốt, có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song về các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Đối với các bị hại còn lại với tổng số tiền 42.300.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã truy tìm bị hại trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định trên phạm vi toàn quốc nhưng các bị hại này không trình báo cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến số tiền bị chiếm đoạt đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ cũng như cơ quan Công an nơi họ cư trú để phối hợp giải quyết, đã hết thời hạn điều tra nên không có căn cứ xem xét, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại còn lại trong vụ án này.

[10] Đối với Nguyễn Văn M, quá trình điều tra xác định tài khoản ngân hàng A số 838819xx là của M nhưng M đã bán tài khoản với số tiền 200.000 đồng, M không biết việc B sử dụng tài khoản ngân hàng để thực hiện hành vi phạm tội nên không đặt vấn đề giải quyết.

[11] Về phần bồi thường thiệt hại dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 BLDS:

Chấp nhận bị cáo Trương Xuân B đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho các bị hại anh Nguyễn Đức K số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn H số tiền 4.800.000 đồng; anh Đỗ Văn V1 số tiền 6.000.000 đồng; anh Phạm Thăng B số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Thế V số tiền 22.000.000 đồng và Nguyễn Kiên Q số tiền 3.000.000 đồng. Tổng số tiền bồi thường cho các bị hại này là 43.800.000 đồng.

Đối với các bị hại anh Ma Hồng T, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn D, Vũ Văn T1, Phạm Văn B1, Dương Đình T3, Phan Bá Đ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 13.100.000 đồng tương ứng số tiền B chiếm đoạt của từng bị hại. Xét việc yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của các bị hại buộc bị cáo bồi thường.

Đối với các bị hại còn lại không yêu cầu bị cáo Trương Xuân B phải bồi thường thiệt hại số tiền đã chiếm đoạt, Viện kiểm sát đề nghị truy thu. Xét việc đề

ngiht truy thu là có căn cứ vì số tiền này các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, bị cáo đang chiếm đoạt trái pháp luật nên việc đề nghị HĐXX truy thu số tiền thu lợi này để sung Ngân sách nhà nước tổng số tiền là: 15.260.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã sử dụng 02 điện thoại này vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, số máy MLLE3VN/A, số IMEI 3504725935763xx; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, số máy NQAX2J/A, số IMEI: 3567380811823xx.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 sim điện thoại mã sim 8984020xx-112854645xx; 01 sim điện thoại mã sim 89840509xx – 16170599xx do không còn giá trị sử dụng.

- Tiếp tục thực hiện Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPT-HS ngày 26/01/2024, công văn số 271/CV-ABBDTH 24 ngày 19/02/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần A - Phòng giao dịch T đã thực hiện Lệnh phong tỏa với số tiền 2.000.154 đồng trong tài khoản 838819xx của Trương Xuân B và số 04/LPT-HS ngày 26/01/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Công văn số 156/CV ngày 06/02/2024 của Ngân hàng T - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ phong tỏa tài khoản số 108877241928/09082005xx với số tiền 26.071.046 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) để đảm bảo việc thi hành án.

[13]. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[14]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Xuân B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS;

Xử phạt bị cáo Trương Xuân B 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/01/2024.

1.2. *Về phần bồi thường thiệt hại dân sự*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 BLDS:

Chấp nhận bị cáo Trương Xuân B đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại anh Nguyễn Đức K số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn H số tiền 4.800.000 đồng; anh Đỗ Văn V1 số tiền 6.000.000 đồng; anh Phạm Thăng B số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Thế V số tiền 22.000.000 đồng và Nguyễn Kiên Q số tiền 3.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Trương Xuân B phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, gồm: Anh Ma Hồng T số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*); chị Nguyễn Thị H1 số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*); anh Đỗ Văn D số tiền 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*); anh Vũ Văn T1 số tiền 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*); anh Phạm Văn B1 số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*); anh Dương Đình T3 số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); anh Phan Bá Đ số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Truy thu số tiền Trương Xuân B đã chiếm đoạt của các bị hại không yêu cầu trả lại để sung Ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 15.260.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi đồng*), cụ thể của các bị hại sau: anh Nguyễn Phước P số tiền là 10.000.000 đồng; anh Văn Huy T2 số tiền 500.000 đồng, anh Phạm Tiến H5 số tiền là 200.000 đồng; anh Nguyễn Quang H3 số tiền là 500.000 đồng; anh Dương Đức N số tiền là 1.000.000 đồng, anh Trần Văn H4 số tiền là 200.000 đồng; anh Lê Hải Q số tiền 2.000.000 đồng, anh Đinh Mạnh H2 số tiền 660.000 đồng và anh Vòng Nhộc L số tiền là 200.000 đồng.

1.3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu huỷ 01 sim điện thoại mã sim 8984020xx-112854645xx; 01 sim điện thoại mã sim 89840509xx- 16170599xx do không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, số máy MLLE3VN/A, số IMEI 3504725935763xx; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, số máy NQAX2J/A, số IMEI: 3567380811823xx (đã qua sử dụng).

(*Đặc điểm vật chứng đã giao theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ ngày 29/7/2024*).

Tiếp tục thực hiện Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPT -HS ngày 26/01/2024, công văn số 271/CV-ABBDTH 24 ngày 19/02/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần A- Phòng giao dịch T đã thực hiện Lệnh phong tỏa với số tiền 2.000.154 đồng trong tài khoản 838819xx của Trương Xuân B và số 04/LPT -HS ngày 26/01/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Công văn số 156/CV ngày 06/02/2024 của Ngân hàng T - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ phong tỏa tài khoản số 108877241928/09082005xx với số tiền 26.071.046 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trương Xuân B phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 655.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) án phí DSST.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ.
- VKSND tỉnh Đ.
- Sở Tư pháp tỉnh Đ.
- Phòng PV 06 CA tỉnh Đ.
- VKSND huyện Đắk Song.
- CA huyện Đắk Song.
- Chi cục THA DS huyện Đ.
- Bị cáo.
- Bị hại
- Người có QLNVLQ.
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà